

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SÔNG ĐÀ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016  
(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà, viết tắt là Song Da ICF.,JSC tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật và Đầu tư Hùng Vương, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101179547 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Năm 2007, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010179547 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2007, thay đổi lần 10 ngày 16/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà CT1 - Vimeco, Trần Duy Hưng, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Phạm Đức Thành	Chủ tịch
Ông: Lê Duy Bình	Thành viên
Ông: Vũ Đình Phung	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Vũ Đình Phung	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Lê Thị Mai Hương	Trưởng ban
Bà: Lưu Thị Thuật	Thành viên
Ông: Tường Hạng Phúc	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Vũ Đình Phung**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Số: 1279 /2017/BC.KTTC-AASC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa đối chiếu, xác nhận đầy đủ công nợ phải thu với tổng giá trị là: 10,05 tỷ đồng. Điều này đã dẫn việc chúng tôi phải nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty. Vấn đề này vẫn chưa được Công ty khắc phục nên tại ngày 31/12/2016, số nợ phải thu chưa được đối chiếu, xác nhận là 12,4 tỷ đồng. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính thông thường nhưng vẫn chưa thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư công nợ phải thu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi hay không.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, chúng tôi đã nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc chưa thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định tính hiện hữu và khả năng thu hồi một số khoản công nợ phải thu với tổng giá trị 10,05 tỷ.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**Lê Văn Tùng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1479-2013-002-1





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>46.950.431.999</b>	<b>56.473.314.703</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>173.406.280</b>	<b>1.454.815.715</b>
111	1. Tiền		173.406.280	1.454.815.715
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>42.000.000</b>	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		42.000.000	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>32.546.474.101</b>	<b>31.907.711.306</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	10.336.633.685	12.245.701.235
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	3.194.746.864	3.099.016.344
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	19.015.093.552	16.562.993.727
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>13.680.701.089</b>	<b>23.006.735.265</b>
141	1. Hàng tồn kho		13.680.701.089	23.006.735.265
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>507.850.529</b>	<b>104.052.417</b>
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		507.850.529	104.052.417
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>619.363.177</b>	<b>892.589.834</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>41.469.000</b>	<b>43.469.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	41.469.000	43.469.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		803.547.091	803.547.091
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(803.547.091)	(803.547.091)
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	04	300.000.000	300.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>277.894.177</b>	<b>549.120.834</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	277.894.177	549.120.834
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>47.569.795.176</b>	<b>57.365.904.537</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.364.501.720</b>	<b>41.035.804.859</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>38.364.501.720</b>	<b>41.035.804.859</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	14.463.822.765	15.156.239.465
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	7.839.189.764	10.552.253.425
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.871.636.889	4.113.902.885
314	4. Phải trả người lao động		637.468.256	722.799.278
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.140.548.783	3.578.604.222
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	4.508.323.974	3.298.494.295
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	2.903.511.289	3.613.511.289
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>9.205.293.456</b>	<b>16.330.099.678</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>9.205.293.456</b>	<b>16.330.099.678</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(15.794.706.544)	(8.669.900.322)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(8.669.900.322)	(2.168.574.370)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>47.569.795.176</b>	<b>57.365.904.537</b>

Người lập biểu

Đoàn Thị Hằng

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thủy

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	13.634.798.379	5.026.915.956
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.634.798.379	5.026.915.956
11	4. Giá vốn hàng bán	21	17.387.599.911	8.563.369.094
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.752.801.532)	(3.536.453.138)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	24.159.309	9.176.922
22	7. Chi phí tài chính	23	525.339.214	695.999.758
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		525.339.214	609.596.416
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.665.326.630	3.377.489.978
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.919.308.067)	(7.600.765.952)
31	11. Thu nhập khác		-	1.100.000.000
32	12. Chi phí khác		205.498.155	560.000
40	13. Lợi nhuận khác		(205.498.155)	1.099.440.000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(2.850)	(2.601)

Người lập biểu

Đoàn Thị Hằng

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thủy

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã	CHỈ TIÊU	Thuyết	Năm 2016	Năm 2015
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		520.598.639	600.594.597
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(139.624)	175.103
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.600.951)	(9.176.922)
06	- Chi phí lãi vay		525.339.214	609.596.416
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.604.207.583)	(5.900.731.355)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.040.560.907)	(10.911.888)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		9.326.034.176	5.111.008.915
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.467.003.464)	2.564.280.884
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		271.226.657	339.253.507
14	- Tiền lãi vay đã trả		(19.638.889)	(206.883.242)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(534.150.010)	1.896.016.821
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.600.951	20.250.533
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(37.399.049)	20.250.533
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay		300.000.000	1.058.220.217
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.010.000.000)	(1.681.274.746)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(710.000.000)	(623.054.529)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.281.549.059)	1.293.212.825
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.454.815.715	161.777.993
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		139.624	(175.103)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	173.406.280	1.454.815.715

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đoàn Thị Hằng

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà, viết tắt là Song Da ICF.,JSC tiền thân là Công ty Cổ phần Thiết bị Kỹ thuật và Đầu tư Hùng Vương, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101179547 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001. Năm 2007, Công ty được đổi tên thành Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010179547 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02/01/2007, thay đổi lần 10 ngày 16/10/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà CT1 - Vimeco, Trần Duy Hưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101179547 cấp ngày 17/01/2012 là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), trong đó Tổng Công ty Sông Đà cam kết góp 25.500.000.000 đồng tương đương 51% vốn điều lệ. Tính đến thời điểm 31/12/2016, tổng số vốn đã góp của các cổ đông là 25.000.000.000 đồng, tương đương 2.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các công trình.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101179547 của Công ty là:

- Thiết kế thiết bị điện tử phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ;
- Cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành, bảo trì thiết bị phòng cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Buôn bán thiết bị phòng cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2016, một số công trình đã hoàn thành và quyết toán xong nên Doanh thu bán hàng tăng gấp 2,7 lần so với năm 2015. Tuy nhiên, do giá trị quyết toán bị cắt giảm nên dẫn tới hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2016 bị lỗ.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

##### Công ty có đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty Phòng cháy Chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà

##### Địa chỉ

Số 286 Đường Trần Hưng Đạo, TP. Phú Lý, Tỉnh Hà Nam

##### Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy cho các công trình

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;





- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## **2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá được lập vào thời điểm cuối năm đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.8. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

1105-  
GTY  
HỮU H.  
EM TOA  
SC  
1-TP.H

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

#### **2.10. Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải 06 - 10 năm

#### **2.11. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **2.12. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### **2.13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.14. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, chi phí công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.





## 2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## 2.16. Doanh thu

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trên cơ sở khối lượng xây lắp hoàn thành được chủ đầu tư nghiệm thu quyết toán.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 2.18. Chi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

0100  
CÔ  
TRÁCH NH  
TỔNG K  
AA  
IN KIẾN

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	23.535.324	490.916.343
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	149.870.956	963.899.372
	<b>173.406.280</b>	<b>1.454.815.715</b>

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2016 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 42.000.000 đồng được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong với lãi suất 5,6%/năm.

#### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung theo cam kết góp là 10% vốn điều lệ 100 tỷ đồng, tương đương 10 tỷ đồng. Tuy nhiên đến thời điểm 31/12/2016 Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà mới thực hiện góp 300 triệu đồng.

#### Thông tin chi tiết về khoản đầu tư:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà Miền Trung	Hà Tĩnh	10%	10%	Xây dựng các khu đô thị, KCN; kinh doanh các dịch vụ phục vụ đô thị; xây dựng công trình;...

### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần May Hồ Gươm	452.459.063	773.704.857
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	6.128.011.338	6.128.011.338
- Ban Quản lý Dự án Tòa nhà hỗn hợp HH4	211.279.300	1.364.713.394
- Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện VTC	1.824.476.980	1.824.476.980
- Công ty Đầu tư Phát triển và Khu Công Nghiệp Sông Đà 7	-	361.457.932
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.720.407.004	1.793.336.734
	<b>10.336.633.685</b>	<b>12.245.701.235</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	<b>1.009.677.143</b>	<b>1.772.139.537</b>

1105.  
CÔNG TY  
NHỮNG  
MTOA  
3C  
TP. HÀ



## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ An toàn Việt Nam	891.404.258	-	891.404.258	-
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại và Xây lắp ATC	321.591.124	-	321.591.124	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Điện & Dịch vụ Thương mại TTQ	479.151.832	-	479.151.832	-
- Các khoản trả trước người bán khác	1.502.599.650	-	1.406.869.130	-
	<b>3.194.746.864</b>	<b>-</b>	<b>3.099.016.344</b>	<b>-</b>

## 7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu ông Lê Anh Hùng theo hợp đồng giao khoán	2.379.378.585	-	2.379.378.585	-
- Phải thu ông Trần Quốc Tuấn-Giám đốc Xí nghiệp Xây dựng Công trình Giao thông (cũ)	1.226.726.237	-	1.226.726.237	-
- Phải thu Bảo hiểm xã hội của các cá nhân đã nghỉ việc	108.641.004	-	108.380.616	-
- Phải thu tạm ứng cán bộ công nhân viên đã nghỉ việc	9.278.641.008	-	9.278.641.008	-
- Phải thu ông Nguyễn Duy Hải - Giám đốc Xí nghiệp Phòng cháy Chữa cháy (cũ)	737.257.164	-	737.257.164	-
- Tạm ứng của CBCNV đang làm việc tại Công ty	5.231.250.189	-	2.799.659.706	-
- Phải thu khác	53.199.365	-	32.950.411	-
	<b>19.015.093.552</b>	<b>-</b>	<b>16.562.993.727</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	41.469.000	-	43.469.000	-
	<b>41.469.000</b>	<b>-</b>	<b>43.469.000</b>	<b>-</b>

## 8. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi:				
Công ty TNHH ĐTXD và Phát triển Xuân Thành	6.128.011.338	6.128.011.338	6.128.011.338	6.128.011.338
Ông Trần Quốc Tuấn-Giám đốc Xi nghiệp Xây dựng Công trình Giao thông	1.226.726.237	1.226.726.237	1.226.726.237	1.226.726.237
Ông Lê Anh Hùng	2.379.378.585	2.379.378.585	2.379.378.585	2.379.378.585
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	1.556.066.000	1.556.066.000	1.556.066.000	1.556.066.000
Ông Lê Hải Hoàng	1.509.650.000	1.509.650.000	1.509.650.000	1.509.650.000
Các đối tượng khác	11.329.592.949	11.329.592.949	10.099.577.345	10.099.577.345
	<b>24.129.425.109</b>	<b>24.129.425.109</b>	<b>22.899.409.505</b>	<b>22.899.409.505</b>

Các khoản phải thu trên mặc dù đã quá hạn thanh toán, nhưng Ban Giám đốc Công ty đánh giá vẫn có khả năng thu hồi được sau khi các công trình xây lắp hoàn thành được quyết toán với chủ đầu tư.

## 9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	600.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	13.680.701.089	-	23.006.135.265	-
	<b>13.680.701.089</b>	<b>-</b>	<b>23.006.735.265</b>	<b>-</b>

### (i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tòa nhà hỗn hợp HH4	-	1.152.905.389
Tòa nhà Hỗn hợp Sông Đà Hà Đông	865.915.962	865.915.962
Khối căn hộ công trình Petro Vietnam Lanmark	-	5.146.130.693
Văn phòng cho thuê và chung cư cao cấp FLC Lanmark Tower	5.753.456.850	5.753.306.850
Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 8A - Hà Tĩnh	171.251.845	171.251.845
Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	-	1.448.318.451
Nhà máy chế tạo TB nâng hạ Quảng Ninh	423.838.014	423.838.014
Chung cư mẫu A, trường tiểu học-Vĩnh Lộc B, HCM	305.413.804	305.413.804
Dự án cải tạo nhà 148 -150 Sơn Tây, Ba Đình, Hà Nội	2.881.383.421	2.661.181.968
Dự án cải tạo nhà A7 Ngọc Khánh - Ba Đình - HN	601.236.079	601.236.079
Dự án cải tạo nhà 575/18 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội	1.058.391.051	1.058.391.051
Công trình Hồ Gươm Plaza- giai đoạn 2	578.755.150	578.755.150
Công trình Hồ Gươm Plaza- giai đoạn 3-HĐ36	1.035.293.913	1.015.278.913
Dự án Xekaman Lào	-	1.819.276.096
Các công trình khác	5.765.000	4.935.000
	<b>13.680.701.089</b>	<b>23.006.135.265</b>

#### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình của Công ty là xe ô tô có nguyên giá là 803.547.091 đồng, tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016. Mặc dù đã hết khấu hao nhưng tài sản vẫn đang được sử dụng.

#### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí thương hiệu Sông Đà	251.564.532	501.564.195
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	26.329.645	47.556.639
	<b>277.894.177</b>	<b>549.120.834</b>



## 12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Trong năm				31/12/2016	
	01/01/2016					
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) <b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Mỹ Đình (1)	1.009.904.345	1.009.904.345	-	660.000.000	349.904.345	349.904.345
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (2)	2.053.606.944	2.053.606.944	-	-	2.053.606.944	2.053.606.944
Vay các đối tượng khác (3)	550.000.000	550.000.000	300.000.000	350.000.000	500.000.000	500.000.000
	<b>3.613.511.289</b>	<b>3.613.511.289</b>	<b>300.000.000</b>	<b>1.010.000.000</b>	<b>2.903.511.289</b>	<b>2.903.511.289</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) **Hợp đồng hạn mức số 552.14.011.422373.TD ngày 10/09/2014 với các điều kiện cụ thể như sau:**

- + Hạn mức cho vay: 3.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày giải ngân. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Quyền đòi nợ Hợp đồng 36/2014/HDXL/HG-SDDICF ký ngày 11/08/2014;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 349.904.345 đồng.

(2) **Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà bao gồm các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng vay số 00200037/002/14/NH/HĐTD ngày 19/05/2014 với các điều kiện cụ thể như sau:
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 10 tháng kể từ ngày giải ngân. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
  - + Phương thức bảo đảm: Quyền đòi nợ của Công ty CP PCCC và Đầu tư xây dựng Sông Đà tại Dự án Xây dựng Nhà điều trị nội khoa Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 821.350.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 00200037/013/14/NH/HĐTG ngày 05/11/2014 với các điều kiện cụ thể như sau:
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản vay đã quá hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ;
  - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;



+ Phương thức bảo đảm: Quyền đòi nợ bao gồm quyền đòi nợ trong tương lai Hợp đồng kinh tế số 16/2010/HĐ-KT/VTC-SDICF ngày 17/11/2010 giữa BQL dự án xây dựng Trụ sở đài truyền hình kỹ thuật số VTC và Công ty CP PCCC & ĐTXD Sông Đà và các phụ lục kèm theo Hợp đồng;  
+ Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.232.256.944 đồng.

**(3) Các khoản vay các đối tượng khác bao gồm các hợp đồng sau:**

- Hợp đồng số 01/2015/HĐVV-ICF ngày 26/05/2015 với ông Vũ Đình Phung với các điều kiện cụ thể như sau:
  - + Mục đích vay: Phục vụ vốn lưu động cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả tiền lương cho cán bộ CNV của công ty;
  - + Thời hạn vay: Theo hợp đồng vay không có thời hạn cụ thể trả khoản vay này;
  - + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là: 200.000.000 đồng.
- Hợp đồng huy động vốn số 01/2016/HĐVV-ICF ngày 25/03/2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình với các điều kiện cụ thể như sau:
  - + Mục đích vay: Phục vụ vốn lưu động cho Công trình Xekaman 1;
  - + Thời hạn vay: từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/12/2016. Tại thời điểm 31/12/2016, khoản vay đã đến hạn thanh toán nhưng chưa được gia hạn nợ;
  - + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là: 300.000.000 đồng.

**b) Số gốc vay, lãi vay ngắn hạn đến/quá hạn chưa thanh toán**

- Ngân hàng TMCP Quân Đội Chi nhánh Mỹ Đình
- Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà

	31/12/2016		01/01/2016	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
	349.904.345	160.875.786	1.009.904.345	133.400.510
	2.053.606.944	705.746.153	2.053.606.944	265.890.468
	<b>2.403.511.289</b>	<b>866.621.939</b>	<b>3.063.511.289</b>	<b>399.290.978</b>

**c) Các khoản gốc vay, lãi vay ngắn hạn đối với các bên liên quan**

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Hòa Bình
- Ông Vũ Đình Phung

	31/12/2016		01/01/2016	
Mối quan hệ	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
	300.000.000	15.900.000	-	-
	500.000.000	35.627.778	500.000.000	13.158.414
Tổng Giám đốc	<b>800.000.000</b>	<b>51.527.778</b>	<b>500.000.000</b>	<b>13.158.414</b>

### 13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Phúc Châu An	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932
- Công ty TNHH Tân Viễn Cảnh	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341
- Công ty Cổ phần Nam Dương	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130
- Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn Việt Nam	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238
- Công ty TNHH PCCC Vạn Xuân	1.021.574.890	1.021.574.890	1.492.574.890	1.492.574.890
- Công ty TNHH MTV Cơ giới Xanh - Việt Sinh	2.083.989.066	2.083.989.066	1.918.032.135	1.918.032.135
- Phải trả các đối tượng khác	3.416.856.168	3.416.856.168	3.804.229.799	3.804.229.799
	<b>14.463.822.765</b>	<b>14.463.822.765</b>	<b>15.156.239.465</b>	<b>15.156.239.465</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Phúc Châu An	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932	1.082.946.932
- Công ty TNHH Tân Viễn Cảnh	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341	3.231.723.341
- Công ty Cổ phần Nam Dương	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130	1.847.626.130
- Công ty Cổ phần Công nghệ An Toàn VN	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238	1.779.106.238
- Phải trả các đối tượng khác	8.096.624.317	8.096.624.317	1.293.442.803	1.293.442.803
	<b>16.038.026.958</b>	<b>16.038.026.958</b>	<b>9.234.845.444</b>	<b>9.234.845.444</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>305.857.200</b>	<b>305.857.200</b>	<b>56.534.350</b>	<b>56.534.350</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)</i>				

### 14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV FLC Land	6.109.495.163	6.109.495.163
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.729.694.601	4.442.758.262
	<b>7.839.189.764</b>	<b>10.552.253.425</b>

### 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.051.584.895	97.745.270	333.141.578	1.816.188.587
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.960.362.120	-	-	1.960.362.120
Thuế thu nhập cá nhân	101.955.870	2.053.656	8.923.344	95.086.182
Thuế môn bài	-	6.500.000	6.500.000	-
	<b>4.113.902.885</b>	<b>106.298.926</b>	<b>348.564.922</b>	<b>3.871.636.889</b>



Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí thù lao HĐQT, BKS	197.256.000	204.137.200
- Trích trước chi phí các công trình	3.025.143.066	2.949.017.630
<i>Công trình Hồ Gươm giai đoạn 1</i>	100.000.000	100.000.000
<i>Bệnh viện Đa Khoa Xanh Pôn</i>	75.410.000	75.410.000
<i>Bệnh viện đa khoa 700 giường tỉnh Ninh Bình</i>	2.706.671.266	2.706.671.266
<i>Công trình Thủy điện Xekaman 1</i>	40.279.300	-
<i>Công trình Trụ Sở ĐTH KTS VTC</i>	10.000.000	10.000.000
<i>Công trình Cland Tower phần bảo dưỡng</i>	-	15.000.000
<i>Công trình CT3</i>	3.000.000	41.936.364
<i>Công trình Thủy điện Trà Xom</i>	26.682.500	-
<i>Công trình HH4 - HĐ 16/2016</i>	62.000.000	-
<i>Công trình Nhà kho 25 Nguyễn Huy Tưởng</i>	1.100.000	-
- Trích trước lãi vay phải trả	918.149.717	412.449.392
- Thù lao cộng tác viên	-	13.000.000
	<b>4.140.548.783</b>	<b>3.578.604.222</b>

#### 17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	7.269.462	1.363.574
- Bảo hiểm xã hội	1.469.307.814	1.268.298.127
- Bảo hiểm y tế	255.784.511	249.804.103
- Bảo hiểm thất nghiệp	111.390.545	108.732.377
- Các khoản phải trả phải nộp khác	2.664.571.642	1.670.296.114
<i>Phải trả Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Sông Đà - Vay không tính lãi</i>	120.000.000	120.000.000
<i>Phải trả Công ty CP Đầu tư và XD 573- Vay không tính lãi</i>	66.235.200	66.235.200
<i>Phải trả tiền nhân công các công trình của ông Lê Anh Hùng</i>	157.096.657	157.096.657
<i>Phải trả các công trình của ông Lê Anh Hùng</i>	376.280.759	376.280.759
<i>Phải trả Công ty TNHH MTV Cơ giới Xanh Việt Sinh - Vay không tính lãi</i>	1.438.833.918	815.167.429
<i>Phải trả khác</i>	506.125.108	135.516.069
	<b>4.508.323.974</b>	<b>3.298.494.295</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>1.894.597.082</b>	<b>1.894.849.216</b>
<i>Phải trả tiền nhân công các công trình của ông Lê Anh Hùng</i>	157.096.657	157.096.657
<i>Phải trả các công trình của ông Lê Anh Hùng</i>	376.280.759	376.280.759
<i>Phải trả các khoản bảo hiểm</i>	1.270.014.613	1.270.014.613
<i>Các đối tượng khác</i>	91.205.053	91.457.187
	<b>1.894.597.082</b>	<b>1.894.849.216</b>

## 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	(2.168.574.370)	22.831.425.630
Lỗ trong năm trước	-	(6.501.325.952)	(6.501.325.952)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>(8.669.900.322)</b>	<b>16.330.099.678</b>
Số dư đầu năm nay	25.000.000.000	(8.669.900.322)	16.330.099.678
Lỗ trong năm nay	-	(7.124.806.222)	(7.124.806.222)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>(15.794.706.544)</b>	<b>9.205.293.456</b>

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Sông Đà	12.750.000.000	51,00%	12.750.000.000	51,00%
Ông Lê Anh Hùng	2.165.000.000	8,66%	2.165.000.000	8,66%
Ông Phạm Hoài Nam	1.400.000.000	5,60%	1.400.000.000	5,60%
Ông Nguyễn Mạnh Cường	1.270.000.000	5,08%	1.270.000.000	5,08%
Các cổ đông khác	7.415.000.000	29,66%	7.415.000.000	29,66%
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>25.000.000.000</b>	<b>100%</b>

### c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.000.000.000	25.000.000.000

### d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

## 19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### Ngoại tệ

	Đơn vị tính	31/12/2016	01/01/2016
Tiền gửi tại Ngân hàng			
Đô la Mỹ	USD	5.448,56	32.454,35



## 20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu từ hoạt động xây lắp		
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	13.634.798.379	5.026.915.956
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	23.156.014.658	56.035.421.456
	<b>13.634.798.379</b>	<b>5.026.915.956</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	<b>1.389.587.100</b>	<b>2.205.272.040</b>

## 21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	17.387.599.911	8.563.369.094
	<b>17.387.599.911</b>	<b>8.563.369.094</b>

## 22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.600.951	9.176.922
Lãi chênh lệch tỷ giá trong năm	19.418.734	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	139.624	-
	<b>24.159.309</b>	<b>9.176.922</b>

## 23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền đi vay	525.339.214	609.596.416
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	-	86.228.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	175.103
	<b>525.339.214</b>	<b>695.999.758</b>

## 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.259.310	130.639.720
Chi phí nhân công	1.745.393.567	2.092.889.607
Thuế, phí, và lệ phí	11.349.343	11.573.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.235.923	1.012.072.855
Chi phí khác bằng tiền	43.088.487	130.314.559
	<b>2.665.326.630</b>	<b>3.377.489.978</b>

## 25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
Các khoản điều chỉnh tăng	790.256.127	616.173.616
- Thù lao Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia điều hành	59.422.800	6.577.200
- Lãi vay tương ứng với vốn điều lệ góp thiếu	525.339.214	609.596.416
- Các khoản phạt hành chính khác	205.494.113	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(6.334.550.095)	(5.885.152.336)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.960.362.120	1.960.362.120
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.960.362.120</b>	<b>1.960.362.120</b>

## 26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(7.124.806.222)	(6.501.325.952)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.850)</b>	<b>(2.601)</b>

## 27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.108.392.925	2.717.092.153
Chi phí nhân công	3.072.266.261	2.656.654.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.488.226.232	1.674.498.059
Chi phí khác bằng tiền	85.102.937	141.887.796
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>10.753.988.355</b>	<b>7.190.132.404</b>



## 28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	173.406.280	-	1.454.815.715	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.393.196.237	-	28.852.163.962	-
Đầu tư dài hạn	300.000.000	-	300.000.000	-
	<b>29.908.602.517</b>	<b>-</b>	<b>30.606.979.677</b>	<b>-</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vay và nợ	2.903.511.289	3.613.511.289
Phải trả người bán, phải trả khác	18.972.146.739	18.454.733.760
Chi phí phải trả	4.140.548.783	3.578.604.222
	<b>26.016.206.811</b>	<b>25.646.849.271</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	173.406.280	-	-	173.406.280
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.351.727.237	41.469.000	-	29.393.196.237
Đầu tư dài hạn	-	300.000.000	-	300.000.000
	<b>29.525.133.517</b>	<b>341.469.000</b>	<b>-</b>	<b>29.866.602.517</b>

Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.454.815.715	-	-	1.454.815.715
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.808.694.962	43.469.000	-	28.852.163.962
Đầu tư dài hạn	-	300.000.000	-	300.000.000
	<b>30.263.510.677</b>	<b>343.469.000</b>	<b>-</b>	<b>30.606.979.677</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	2.903.511.289	-	-	2.903.511.289
Phải trả người bán, phải trả khác	18.972.146.739	-	-	18.972.146.739
Chi phí phải trả	4.140.548.783	-	-	4.140.548.783
	<b>26.016.206.811</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>26.016.206.811</b>

Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	3.613.511.289	-	-	3.613.511.289
Phải trả người bán, phải trả khác	18.454.733.760	-	-	18.454.733.760
Chi phí phải trả	3.578.604.222	-	-	3.578.604.222
	<b>25.646.849.271</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.646.849.271</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

300.000.000 1.058.220.217

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

1.010.000.000 1.681.274.746

**30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 12)

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<b>Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ khác</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	311.848.200	288.745.636
Công ty mẹ	311.848.200	288.745.636
<b>Doanh thu hoạt động xây lắp</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	1.389.587.100	2.205.272.040
Công ty mẹ	1.389.587.100	2.205.272.040
<b>Vay vốn</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	-	2.500.000.000
Cùng Công ty mẹ	-	2.500.000.000
<b>Lãi vay</b>		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	407.127.577	357.443.415
Cùng Công ty mẹ	407.127.577	357.443.415

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	1.009.677.143	1.772.139.537
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	602.251.000	1.364.713.394
Cùng Công ty mẹ	407.426.143	407.426.143
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	179.305.700	677.321.500
Công ty mẹ	133.929.700	631.945.500
Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	45.376.000	45.376.000
Cùng Công ty mẹ	45.376.000	45.376.000

<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>		<b>305.857.200</b>	<b>56.534.350</b>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ	305.857.200	56.534.350
<b>Chi phí lãi vay</b>		<b>705.746.153</b>	<b>298.618.576</b>
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Cùng Công ty mẹ	705.746.153	298.618.576
<b>Vay vốn</b>			
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Cùng Công ty mẹ	-	2.500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	253.632.013	387.694.771

### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Đoàn Thị Hằng

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Vũ Đình Phung

